



pái luǎn
排卵

verb / noun · ovulation

Example Sentences

Pái luǎn shì zhǐ kě yǐ bāng zhù yù cè zuì jiā shòu yùn shí jiān
排卵试纸可以帮助预测最佳受孕时间。

Ovulation test strips can help predict the best time for conception.

nǚ xìng měi gè yuè huì pái luǎn yí cì
女性每个月会排卵一次。

Women ovulate once a month.

Trace each character, then write the word on your own.

排	排	排	排	排	排	排	排	排	排	排
排	排	排								
卵	卵	卵	卵	卵	卵	卵	卵	卵	卵	卵